

31 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



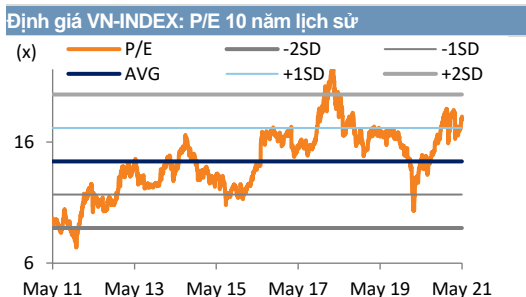
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,328.05	0.57	7.15	53.63
HNX	317.85	2.38	12.81	189.46
UPCOM	88.77	3.09	10.03	61.32
MSCI EM	1,360.78	0.48	0.98	46.27
NIKKEI	28,860.08	-0.99	0.16	31.91
HANG SENG	29,151.80	0.09	1.49	26.96
KOSPI	3,203.9	0.48	1.78	57.86
FTSE	7,022.61	0.04	0.76	15.57
S&P 500	4,204.11	0.08	0.55	38.10
NASDAQ	13,748.74	0.09	-1.53	44.88

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.10	2.69	15.05
SET INDEX	29.87	1.70	5.92
JCI INDEX	28.23	1.60	4.44
PCOMP	28.33	1.63	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.14	0	-5	-98
10 năm	2.27	-2	-9	-82

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,048	-0.04	0.02	0.90
US\$/KRW	1,111	0.43	0.16	10.30
US\$/JPY	110	0.15	-0.35	-1.91
US\$/EUR	0.82	-0.01	-1.43	-8.69
US\$/GBP	0.71	0.14	-2.51	-11.85
US\$/SGD	1.32	0.08	0.68	6.48

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	1,011	879	436
HNX	173	113	58
UPCOM	66	41	26



Nhận định thị trường

Bất chấp dịch bệnh, chứng khoán Việt Nam tiếp tục thăng hoa.

Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp khi TP.HCM giãn cách theo Chỉ thị 15 đã tác động đến tâm lý nhà đầu tư vào sáng nay. Đầu phiên, lực bán mạnh khiến VN-Index chìm trong sắc đỏ và có thời điểm giảm hơn 13 điểm. Tiếp theo sau đó, thị trường diễn biến giằng co mạnh với lực cầu và cung khá tương đồng. Tuy nhiên, sang phiên chiều thì lực mua mạnh tỏ ra áp đảo và kéo VN-Index tiếp tục có thêm phiên tăng điểm ấn tượng. Bên cạnh đó, thanh khoản tiếp tục dồi dào khi các cột mốc kỷ lục liên tục được lập và phá vỡ, tiêu biểu như tổng giá trị giao dịch 3 sàn của phiên hôm nay đạt 32.037 tỷ đồng, tương đương 1,38 tỷ USD. Kết phiên, Vn-Index đóng cửa tại 1.328 điểm, tăng 7,6 điểm, tương ứng +0,57% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 25.458 tỷ đồng, HNX: 4.415 tỷ đồng, UPCOM: 2.164 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu nổi bật tiếp tục là Ngân hàng và Chứng khoán, khi 2 ngành này thu hút dòng tiền lớn và là tâm điểm của thị trường trong những phiên gần đây. Khấp 3 sàn, hầu hết các cổ phiếu Ngân hàng đều tăng giá từ 1%–15%, đặc biệt tại UPCOM với BVB (+14,7%), NAB (+14,8%), tại HOSE LPB(+7,0), duy nhất VCB ngược dòng giảm -1%. Nhóm chứng khoán với các cổ phiếu đầu ngành như HCM, SSI, VCI, VND tiếp tục được hưởng lợi khi thị trường giao dịch sôi động với mức tăng từ 4,8%–8%. Ngoài ra, nhóm Thép tiếp diễn đà tăng tốt, đặc biệt HPG tăng trần (+6,8%) trước thông tin mua lại mỏ quặng sắt Roper Valley tại Úc.

Khối ngoại hôm nay bán ròng xấp xỉ 1.700 tỷ đồng, trong đó HPG bị bán mạnh nhất (707 tỷ) và MBB (402 tỷ)

Liên tiếp tăng điểm trong thời gian gần đây, các chỉ số kỹ thuật của VN-Index vẫn đang thể hiện mức tích cực. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện ở mức +5, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	3	TRUNG TÍNH
Kospi	5	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

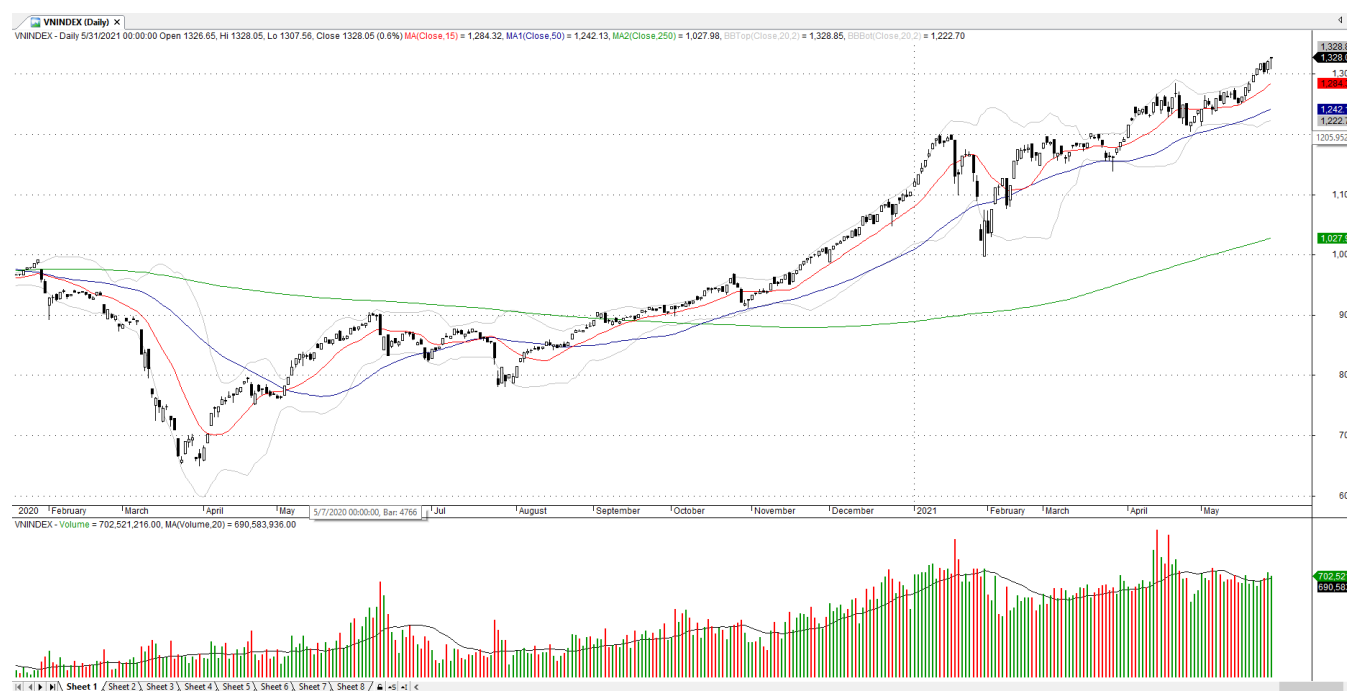
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (31/05/2021)	Kháng cự 1	1.350
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.250

VN-Index tiếp tục “leo dốc” chinh phục các mốc kháng cự tiếp theo.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (31/05/2021)	1.479	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.550
VN30 – đóng cửa	1.474	Hỗ trợ 1	1.400
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+4.7	Hỗ trợ 2	1.350

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	7	KHẢ QUAN

VN30F1M giảm điểm đầu phiên khiến các chỉ số giao dịch intra-day bị suy giảm, tuy nhiên đóng cửa vẫn tăng điểm tốt, và điểm kỹ thuật theo ngày vẫn ở mức cao nhất.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.25	4,057,535	2	TRUNG TÍNH	4,526	10.9	0.9
ACB	41.4	10,241,390	7	KHẢ QUAN	89,489	10.4	2.4
AMD	5.55	8,324,785	-4	TIÊU CỰC	907	36.9	0.5
ART	10.6	6,073,015	1	TRUNG TÍNH	1,027	39.3	0.9
ASM	13.75	2,422,890	7	KHẢ QUAN	3,559	7.8	0.8
BID	48.7	4,751,735	7	KHẢ QUAN	195,872	23.8	2.5
BMI	36.1	1,076,175	7	KHẢ QUAN	3,298	16.2	1.4
BSI	20	1,617,180	7	KHẢ QUAN	2,431	9.8	1.6
BSR	17.2	13,776,955	7	KHẢ QUAN	53,329	#N/A N/A	1.7
BVH	54.1	861,485	4	KHẢ QUAN	40,160	21.2	2.0
CII	19.85	2,164,005	-2	TRUNG TÍNH	4,741	356.8	1.0
CTD	62	524,430	7	KHẢ QUAN	4,606	18.5	0.6
CTG	53.1	19,813,616	7	KHẢ QUAN	197,713	11.1	2.2
CTR	88.2	604,720	7	KHẢ QUAN	6,353	22.7	6.0
DBC	60.9	1,719,710	7	KHẢ QUAN	6,380	4.4	1.4
DCM	16.8	2,784,540	0	TRUNG TÍNH	8,894	15.0	1.4
DGC	71.7	1,203,885	2	TRUNG TÍNH	12,266	13.0	3.0
DGW	121	374,440	-5	TIÊU CỰC	5,203	15.8	4.1
DHC	101.9	348,515	-4	TIÊU CỰC	5,706	12.1	3.9
DIG	31.9	5,535,980	7	KHẢ QUAN	11,176	14.6	2.4
DRC	27.6	1,197,810	2	TRUNG TÍNH	3,279	11.6	1.9
DXG	28	9,412,735	7	KHẢ QUAN	14,512	#N/A N/A	2.2
EIB	32.8	1,128,795	7	KHẢ QUAN	40,325	46.0	2.4
FIT	15.15	5,399,685	5	KHẢ QUAN	3,859	56.7	1.3
FLC	11.95	26,338,520	-2	TRUNG TÍNH	8,484	6.2	0.9
FPT	97.9	2,469,005	7	KHẢ QUAN	77,254	20.7	4.6
FTS	27.85	1,094,400	7	KHẢ QUAN	4,052	9.8	1.7
GAS	82.6	728,395	0	TRUNG TÍNH	158,092	20.9	3.1
GEX	26.55	4,708,725	6	KHẢ QUAN	12,963	12.6	1.8
GIL	55.9	765,720	-7	TIÊU CỰC	2,011	5.0	1.5
GMD	37.05	3,174,770	-4	TIÊU CỰC	11,166	29.7	1.8
GVR	28.6	4,166,870	6	KHẢ QUAN	114,400	26.2	2.4
HAH	26.6	1,716,455	-6	TIÊU CỰC	1,261	7.6	1.1
HBC	13.9	4,724,505	-7	TIÊU CỰC	3,209	36.3	0.9
HCM	39.25	5,883,095	7	KHẢ QUAN	11,973	15.9	2.5
HDB	33.8	8,015,490	3	TRUNG TÍNH	53,869	10.9	2.2
HDC	52.4	1,028,515	7	KHẢ QUAN	3,485	13.0	2.9
HDG	44.1	1,204,905	4	KHẢ QUAN	6,804	6.2	2.0
HNG	10.5	7,697,710	-3	TRUNG TÍNH	11,640	447.2	1.3
HPX	37.65	867,600	7	KHẢ QUAN	9,958	92.3	3.0
HQC	3.44	15,573,740	-4	TIÊU CỰC	1,640	230.0	0.4
HSG	43.9	15,130,980	5	KHẢ QUAN	19,519	8.1	2.4
IDC	38.6	2,509,665	7	KHẢ QUAN	11,580	36.9	3.1
IJC	30.7	4,585,070	7	KHẢ QUAN	6,665	10.0	2.0
ITA	6.95	10,018,605	-4	TIÊU CỰC	6,521	31.4	0.6
KBC	33.3	5,709,795	4	KHẢ QUAN	15,643	20.3	1.5
KDC	56.5	1,260,595	4	KHẢ QUAN	12,924	42.1	2.2
KDH	39.45	4,502,505	5	KHẢ QUAN	22,045	18.4	2.6
KLF	5.1	8,459,675	-4	TIÊU CỰC	843	#N/A N/A	0.5
KSB	27.8	1,059,865	4	KHẢ QUAN	1,852	7.4	1.1
LDG	7	4,934,035	2	TRUNG TÍNH	1,676	152.2	0.5
LTG	36.7	985,470	-6	TIÊU CỰC	2,958	9.5	1.1

MBB	38	24,554,036	5	KHẢ QUAN	106,353	10.5	2.1
MBS	27.1	2,384,990	7	KHẢ QUAN	6,325	15.0	2.4
MSN	110.1	2,343,535	2	TRUNG TÍNH	129,333	85.9	8.0
MWG	138.5	927,880	-5	TIÊU CỰC	65,847	15.3	3.8
NKG	32.95	6,037,780	3	TRUNG TÍNH	5,667	9.9	1.6
NVB	23.3	6,824,250	7	KHẢ QUAN	9,479	873.4	2.2
NVL	134.6	1,923,885	-2	TRUNG TÍNH	145,602	32.2	4.6
PDR	77	3,473,985	6	KHẢ QUAN	37,481	28.5	7.0
PET	22.75	2,097,560	5	KHẢ QUAN	1,901	12.3	1.2
PHR	54.4	791,155	6	KHẢ QUAN	7,371	7.7	2.3
PLX	54.6	2,630,155	-2	TRUNG TÍNH	67,912	18.7	2.9
PNJ	100.9	446,870	2	TRUNG TÍNH	22,941	20.3	4.0
POW	11.75	10,899,420	2	TRUNG TÍNH	27,517	11.3	1.0
PVD	21.8	5,819,445	7	KHẢ QUAN	9,181	141.8	0.7
PVS	25.8	9,968,585	7	KHẢ QUAN	12,332	18.8	1.0
PVT	18.05	3,265,135	7	KHẢ QUAN	5,842	7.9	1.2
REE	58.2	734,480	0	TRUNG TÍNH	17,987	10.1	1.5
ROS	6.53	28,710,560	-4	TIÊU CỰC	3,706	203.7	0.6
S99	19.9	1,462,770	2	TRUNG TÍNH	1,043	5.1	1.2
SAB	155.5	217,245	4	KHẢ QUAN	99,719	20.6	5.0
SBT	19.9	2,580,650	2	TRUNG TÍNH	12,281	17.6	1.5
SCR	9.02	4,938,440	4	KHẢ QUAN	3,305	18.7	0.7
SHB	30.4	25,421,024	7	KHẢ QUAN	58,537	17.5	2.3
SHI	29.7	2,428,125	0	TRUNG TÍNH	2,706	35.6	2.4
SHS	38	9,201,050	7	KHẢ QUAN	7,876	8.0	2.1
SMC	39	981,915	-4	TIÊU CỰC	2,376	4.7	1.4
SSI	44.4	15,215,680	7	KHẢ QUAN	28,676	16.0	2.5
STB	33.8	45,575,356	7	KHẢ QUAN	60,963	22.6	2.1
SZC	37.7	911,215	7	KHẢ QUAN	3,770	17.8	2.8
TCB	53.7	18,907,504	7	KHẢ QUAN	188,213	13.2	2.4
TCH	22.3	5,397,305	2	TRUNG TÍNH	8,685	8.7	1.5
TLH	17.85	3,342,825	-6	TIÊU CỰC	1,797	23.6	1.1
TPB	37.45	7,154,240	5	KHẢ QUAN	40,134	9.8	2.2
TSC	17.5	6,742,760	7	KHẢ QUAN	2,584	153.5	1.6
VCB	98.6	1,852,650	4	KHẢ QUAN	365,695	17.3	3.6
VCI	79.5	2,308,400	7	KHẢ QUAN	13,237	13.9	2.7
VG T	18.1	1,719,780	7	KHẢ QUAN	9,000	31.6	1.5
VHC	40	947,510	6	KHẢ QUAN	7,278	10.4	1.4
VHM	102.6	3,954,685	2	TRUNG TÍNH	337,504	13.0	3.7
VIB	68.5	1,259,750	5	KHẢ QUAN	75,993	14.5	3.9
VIC	117.5	1,776,585	-7	TIÊU CỰC	397,436	54.0	4.9
VIX	28.75	5,874,890	5	KHẢ QUAN	3,672	5.5	1.8
VJC	110	473,845	-4	TIÊU CỰC	59,577	48.8	3.9
VND	49.7	4,934,425	7	KHẢ QUAN	10,661	9.2	2.4
VNM	90.5	4,173,925	4	KHẢ QUAN	189,141	19.3	6.0
VPB	69.2	34,005,276	1	TRUNG TÍNH	169,869	15.0	3.0
VPI	33.9	1,227,795	-4	TIÊU CỰC	6,780	22.2	2.5
VRE	29.4	6,488,810	-2	TRUNG TÍNH	66,806	25.0	2.2

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Dầu vọt hơn 4% tuần qua bất chấp đà giảm trong phiên

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng dầu WTI lùi 0.79% xuống 66.32 USD/thùng sau khi chạm mức cao nhất kể từ ngày 08/5 là 67.52 USD/thùng. Dầu vậy, hợp đồng này vẫn tăng 4.31% trong tuần qua. Hợp đồng dầu Brent tiến 0.24% lên 69.63 USD/thùng và vọt 4.8% trong tuần qua. “Được thúc đẩy bởi dữ liệu kinh tế tích cực và tâm lý ưa thích rủi ro của các nhà đầu tư trên thị trường tài chính, dầu Brent đang đưa ra giá cược mới cho mốc quan trọng về tâm lý là 70 USD/thùng”, Chuyên gia phân tích Eugen Weinberg của Commerzbank nhận định. “Mối quan tâm về nhu cầu vì đại dịch đang nhường chỗ cho sự lạc quan khi người tiêu dùng quay trở lại nhanh chóng”. Các chuyên gia phân tích kỳ vọng nhu cầu dầu toàn cầu sẽ phục hồi gần 100 triệu thùng/ngày trong quý 3 nhờ mùa du lịch hè ở châu Âu và Mỹ sau chương trình tiêm vắc-xin Covid-19 mở rộng.

Vàng thế giới vượt mốc 1,900 USD/oz

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng vàng giao ngay tiến 0.3% lên 1,902.27 USD/oz, sau khi giảm 0.8% trước đó. Hợp đồng này đã tăng 4 tuần liên tiếp, tăng 1.1%. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0.4% lên 1,905.3 USD/oz. Giá tiêu dùng tại Mỹ đã tăng vào tháng 4, với thước đo lạm phát cơ bản vượt qua mục tiêu 2% của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). “Chúng tôi thấy dữ liệu tiêu dùng cá nhân tăng nhẹ... Tất cả những điều này tiếp tục hỗ trợ môi trường lạm phát tiềm ẩn rất thuận lợi cho vàng”, David Meger, Giám đốc giao dịch kim loại tại High Ridge Futures, nhận định. Ông Meger nói thêm, việc Fed từ chối giảm tốc độ chương trình mua trái phiếu hoặc nâng lãi suất cũng hỗ trợ vàng, mặc dù một số kháng cự tâm lý ở mức 1,900 USD/oz và đồng USD mạnh hoạt động như một rào cản đối với vàng.

5 tháng đầu năm, Việt Nam nhập siêu 370 triệu USD

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê vừa công bố, Việt Nam nhập siêu 2 tỷ USD vào tháng 5, tăng gần 800 triệu USD so với tháng 4. Tính chung 5 tháng đầu năm, Việt Nam nhập siêu 370 triệu USD. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu tháng 5 ước đạt 26 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu tăng gần 36%, trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng gần 19%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 43%. Tính chung 5 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 130,94 tỷ USD, tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt hơn 33 tỷ USD, tăng gần 17%, chiếm hơn 25% tổng kim ngạch xuất khẩu. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt gần 97,9 tỷ USD, tăng hơn 36%, chiếm gần 75%. 5 tháng đầu năm ghi nhận 22 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 87% tổng kim ngạch xuất khẩu. Điện thoại và linh kiện có giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 21,9 tỷ USD, chiếm gần 17% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng gần 20% so với cùng kỳ năm trước. Điện tử, máy tính và linh kiện xếp thứ 2, ước đạt 19,5 tỷ USD, tăng 26%. Tiếp đến là máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 14,9 tỷ USD, tăng gần 75%.

HPG: Hòa Phát mua mỏ 320 triệu tấn tại Australia

Theo thông tin từ Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG), ngày 28/5, Ủy ban Đầu tư Nước ngoài Liên bang Úc (FIRB) đã chấp thuận phê duyệt hợp đồng mua 100% cổ phần Dự án mỏ quặng sắt Roper Valley của công ty con tại Australia thuộc Tập đoàn Hòa Phát. Sau khi giao dịch hoàn tất, Hòa Phát trở thành chủ sở hữu dự án quặng sắt Roper Valley với trữ lượng dự đoán 320 triệu tấn và công suất khai thác 4 triệu tấn/năm. Giá trị thương vụ không được tiết lộ. Tập đoàn Hòa Phát cho biết vẫn tiếp tục nghiên cứu để đầu tư mua tiếp một số mỏ sắt mới tại Úc, nhằm đảm bảo về lâu dài nguồn cung ít nhất 50% nhu cầu quặng sắt của tập đoàn (tương đương 10 triệu

tấn/năm). Bên cạnh đó, nguyên liệu cấu thành đến 30% giá thép là than luyện cốc hiện được Hòa Phát nhập khẩu từ Australia – thị trường cung cấp than luyện cốc lớn nhất thế giới. Tập đoàn đang nghiên cứu để trong tương lai có thể sẽ mua một vài mỏ than luyện cốc của Úc nhằm từng bước tự chủ nguồn nguyên liệu sản xuất quan trọng này.

MSN: sắp tạm ứng cổ tức 10%

HDQT Masan Group (HoSE: MSN) vừa phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 10% (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Với hơn 1,17 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 1.175 tỷ đồng. Cụ thể, công ty sẽ thực hiện tạm ứng cổ tức trong 2 lần. Lần thứ nhất chia tỷ lệ 9,5% (1 cổ phiếu được nhận 950 đồng) và lần tiếp theo chia 0,5% (1 cổ phiếu được nhận 50 đồng). Trước đó trong cuộc họp cổ đông thường niên 2021, cổ đông Masan Group đã thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc tùy thuộc vào kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, quyết định tỷ lệ tạm ứng cổ tức cụ thể cho năm 2021 bao gồm thời gian, phương thức và các vấn đề có liên quan.

HSG: lãi tiếp 538 tỷ đồng tháng 4, vượt 47% kế hoạch sau 7 tháng

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) thông báo sản lượng tiêu thụ tháng 4 đạt 216.390 tấn, tăng nhẹ so với tháng trước. Lũy kế 7 tháng niên độ 2020-2021, sản lượng tiêu thụ đạt 1,29 triệu tấn, thực hiện 72% kế hoạch năm. Theo đó, doanh thu tháng 4 đạt 4.550 tỷ đồng, giảm nhẹ so với tháng trước. Song, lợi nhuận sau thuế 538 tỷ đồng, tăng 7% và là tháng thứ 2 liên tiếp ghi nhận trên 500 tỷ đồng. Lũy kế 7 tháng niên độ 2020-2021, doanh nghiệp thép ghi nhận 24.496 tỷ đồng doanh thu, thực hiện 74% kế hoạch năm; lãi sau thuế 2.208 tỷ đồng, vượt 47% kế hoạch năm.

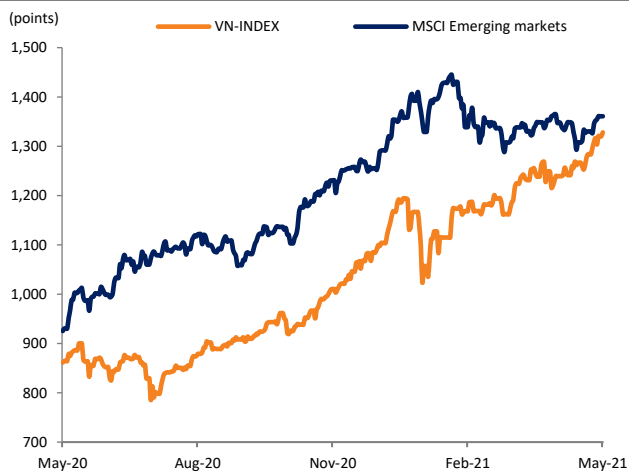
ADP: tạm ứng cổ tức bằng tiền và thưởng cổ phiếu tổng tỷ lệ 60%

Ngày 14/6 tới đây Sơn Á Đông (UPCoM: ADP) sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền và chia cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tổng tỷ lệ 60%. Ngày giao dịch không hưởng quyền vào 11/6. Công ty sẽ tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cp). Thời gian thanh toán vào 2/7/2021. Bên cạnh đó, Sơn Á Đông cũng chốt danh sách cổ đông phát hành gần 7,7 triệu cổ phiếu thưởng. Tỷ lệ phát hành 50% (2 cổ phiếu cũ được nhận 1 cổ phiếu mới). Nguồn vốn phát hành lấy từ nguồn vốn tích lũy trước ngày 31/12/2020. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, kế hoạch cổ tức bằng tiền được thông qua là tối thiểu 12%/VDL. Như vậy công ty sẽ còn cần chi trả ít nhất 2% cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2021. Theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, công ty đã trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 30%.

ORS: muốn tăng vốn 100% lên 2.000 tỷ đồng

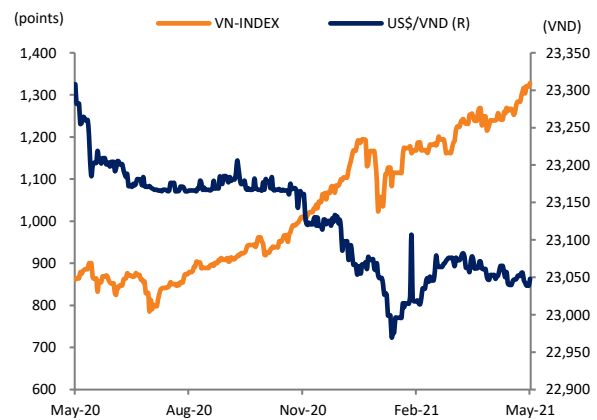
Chứng khoán Tiên Phong (TPS, UPCoM: ORS) vừa thông báo nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng. Khối lượng phát hành là 100 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 100%), qua đó tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với lượng vốn cần huy động 1.000 tỷ đồng. Thời gian phân phối trong vòng 90 ngày kể từ khi được cấp giấy chứng nhận chào bán (27/5), dự kiến trong quý II-III năm nay. Với nguồn vốn huy động được, công ty có kế hoạch phát triển các nghiệp vụ kinh doanh như bổ sung vốn cho hoạt động cho vay margin, tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán hay hoạt động tự doanh. Cụ thể, số tiền 500 tỷ đồng thu được dành cho hoạt động cho vay margin, 400 tỷ đồng được chia đều cho hoạt động tự doanh cổ phiếu và trái phiếu, phần tiền còn lại sẽ được bổ sung cho các hoạt động khác.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



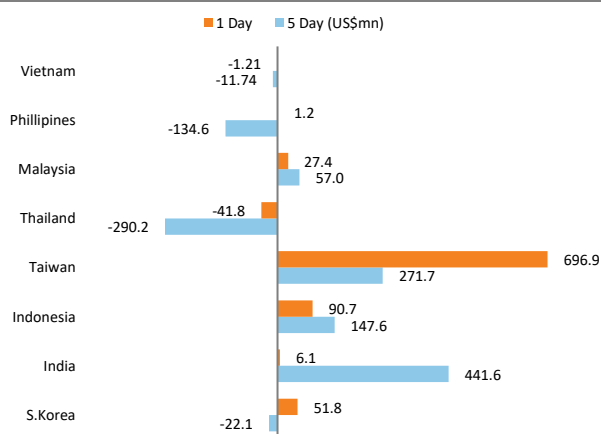
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



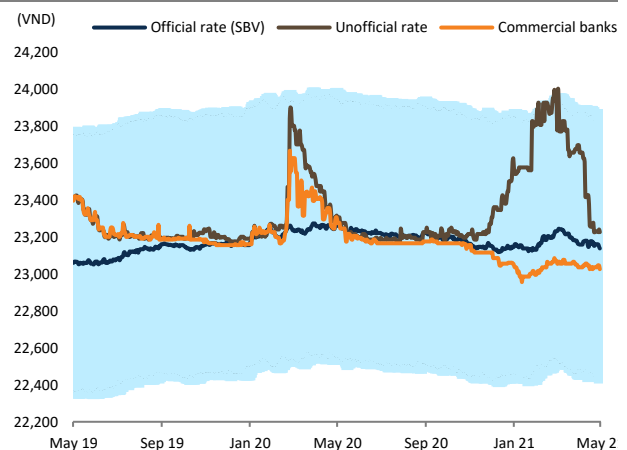
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



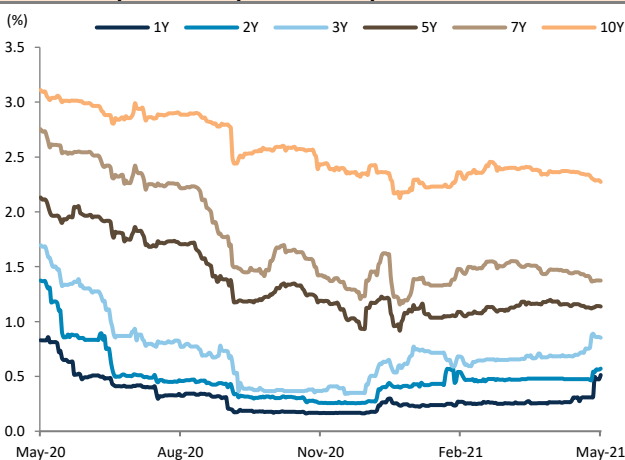
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



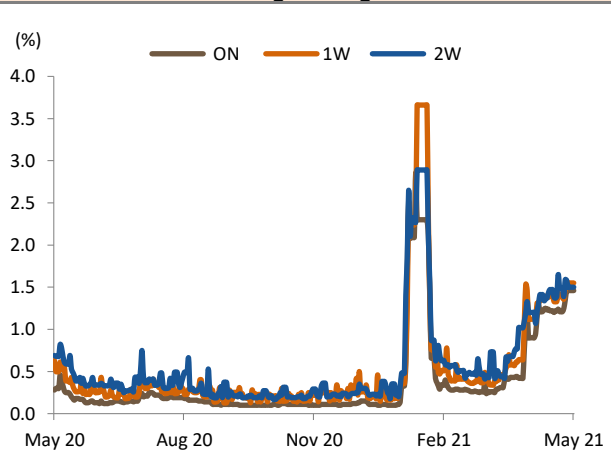
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,474.78	3,513,240		1.1	3.1	12.4	82.9	15.0	12.3	2.8	2.4	10.0	21.6	21.3	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	48,700	195,872	16.7	3.3	5.9	18.8	21.4	21.5	17.7	2.3	2.1	56.2	21.6	12.7	13.9
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,100	40,160	27.4	-2.5	-0.4	-5.6	8.3	23.2	20.0	1.9	1.8	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	53,100	197,713	25.2	3.7	3.7	30.1	136.0	11.6	10.6	1.9	1.7	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	97,900	77,254	49.0	3.3	4.7	21.0	104.2	19.2	16.1	4.3	3.7	23.5	19.7	25.6	26.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	82,600	158,092	2.4	0.7	0.7	-1.1	11.0	15.7	14.6	3.0	2.8	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	33,800	53,869	17.3	2.9	6.5	24.0	130.5	10.2	8.5	NA	NA	24.8	20.3	19.2	19.0
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	52,700	235,723	29.0	6.8	8.8	22.5	211.6	10.3	8.4	2.8	2.2	79.0	23.0	35.6	30.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,450	22,045	30.6	1.2	5.3	12.2	88.3	18.6	13.8	2.5	2.1	2.9	35.1	14.5	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	38,000	106,353	22.8	0.8	9.4	25.2	156.4	9.9	8.3	1.8	1.5	29.8	18.9	20.9	20.9
Tập đoàn Masan	MSN VN	110,100	129,333	32.8	-2.1	-1.7	12.3	75.6	45.9	25.9	6.3	5.1	127.4	77.3	13.5	18.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	138,500	65,847	49.0	-2.9	-5.1	-1.7	63.7	13.3	10.6	3.3	2.8	20.5	24.8	27.5	27.6
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	134,600	145,602	7.8	-0.2	-0.3	2.4	153.5	34.4	25.6	4.3	3.6	-1.6	34.5	16.1	14.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	77,000	37,481	2.8	-1.0	0.8	9.7	268.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,600	67,912	15.9	-0.4	-3.0	8.5	18.3	20.8	16.7	2.9	2.8	283.2	24.1	16.5	17.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	100,900	22,941	49.0	-0.1	-1.0	3.0	59.9	17.5	13.8	3.7	3.0	33.9	26.7	24.9	23.3
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,750	27,517	3.2	0.4	-0.4	-4.5	14.6	12.9	10.9	0.9	0.8	-9.2	19.1	7.7	9.8
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	58,200	17,987	49.0	-1.9	-1.5	8.6	86.2	9.9	8.3	1.3	1.6	12.1	19.0	14.8	12.9
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,900	12,281	8.5	1.0	-0.3	-0.5	33.6	17.1	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	44,400	28,676	46.2	6.2	11.6	36.2	200.0	19.8	18.5	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	33,800	60,963	11.7	6.1	17.0	41.4	228.2	26.4	19.1	NA	NA	2.6	38.3	11.0	11.6
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,700	188,213	22.5	1.3	5.5	31.0	159.4	11.6	9.8	2.1	1.7	32.1	18.2	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,300	8,685	10.7	-0.9	-5.1	2.8	5.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	37,450	40,134	30.0	3.7	12.3	36.7	121.6	8.7	7.2	1.8	1.5	26.9	19.9	23.5	22.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,600	365,695	23.3	-1.0	1.2	-1.4	15.7	17.1	13.8	3.1	2.6	29.2	23.9	20.7	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	102,600	337,504	22.6	-1.9	-3.2	3.3	33.9	10.9	9.5	2.9	2.3	13.4	14.7	30.9	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	117,500	397,436	14.3	-1.9	-3.8	-10.3	21.1	54.6	40.5	4.3	3.9	27.2	35.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	110,000	59,577	18.6	-1.8	-3.1	-11.9	-2.7	53.3	18.8	3.5	2.8	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,500	189,141	54.8	-0.7	-0.8	-3.2	-5.6	18.6	17.4	5.7	5.4	1.9	7.0	33.9	34.6
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	69,200	169,869	15.4	0.9	3.7	18.3	196.4	13.5	11.5	2.3	1.9	19.7	17.5	19.3	17.3
CTCP Vincom Retail	VRE VN	29,400	66,806	29.7	-3.8	-4.7	-8.1	6.9	23.2	18.3	2.1	1.9	20.8	26.8	9.4	11.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	7.59	4,949,063	0.6	2.3	7.2	53.6	16.0	13.0	2.6	2.3	13.0	22.8	19.1	19.1
Ô tô và phụ tùng	0.01	8,227	0.5	-0.3	1.1	37.6	6.2	5.7	1.2	1.1	33.3	9.1	11.8	11.2
Ngân hàng	10.07	1,729,368	2.3	3.7	20.7	84.8	13.7	11.3	2.1	1.8	30.1	18.6	18.4	18.3
Xây dựng cơ bản	-0.02	173,810	0.0	1.4	2.6	79.0	5.4	4.4	0.4	0.4	5.6	29.9	5.9	6.2
Dịch vụ thương mại	-0.03	4,478	-2.8	-2.7	0.0	22.0	7.4	5.8	NA	NA	18.8	27.9	10.4	12.5
May mặc và trang sức	-0.08	43,607	-0.6	-1.4	0.9	127.5	12.9	10.3	2.6	2.1	41.8	22.2	17.3	15.4
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	7,800	-1.2	-1.6	-10.0	11.2	NA	8.2	NA	NA	NA	NA	-7.0	4.9
Dịch vụ tài chính	1.15	76,554	6.0	7.9	31.1	177.4	10.4	7.0	0.4	NA	16.1	7.1	7.5	4.8
Năng lượng	0.07	85,753	0.3	0.0	8.9	32.1	21.8	15.8	2.5	2.3	NA	34.8	14.2	15.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.28	513,829	-1.6	-2.0	0.7	20.1	23.9	17.0	4.6	4.1	46.2	29.7	21.5	22.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	908	2.3	4.2	1.9	43.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,869	0.0	0.0	0.0	7.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.21	47,651	-1.5	-1.6	-2.7	12.3	19.6	16.9	1.6	1.5	12.2	16.0	7.0	7.9
Nguyên vật liệu	3.97	487,281	2.9	4.0	16.9	157.2	13.1	12.1	2.0	1.0	71.0	-0.8	22.0	18.9
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,537	-1.5	-2.1	-17.3	-26.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.00	35,362	-0.5	3.6	0.8	77.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-4.76	1,185,736	0.0	0.3	2.7	28.2	9.0	7.5	1.1	1.0	7.5	17.6	8.9	9.5
Bán lẻ	-0.55	74,528	-1.5	-2.1	-1.9	57.8	27.6	20.9	3.0	2.6	20.3	27.8	15.0	14.8
Phần mềm và dịch vụ	0.63	81,632	-2.7	-3.8	-1.5	61.4	12.3	9.8	2.9	2.5	30.3	25.0	24.6	24.8
Thiết bị và phần cứng	-0.07	5,203	3.0	2.6	20.3	101.3	18.2	15.2	4.1	3.5	28.6	18.6	24.2	24.8
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,251	-4.7	-12.3	8.5	348.1	13.2	10.9	3.5	2.8	48.0	20.3	27.0	27.6
Vận tải	-0.56	154,727	1.8	-2.9	6.3	307.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.29	240,367	-1.3	-2.0	-6.6	16.5	23.3	9.3	25.0	1.3	NA	73.9	-38.0	3.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	52,700	6.0	60,309,100	3.6
CTG VN	53,100	3.7	17,663,200	1.9
BID VN	48,700	3.3	5,597,900	1.7
ACB VN	41,400	6.4	16,030,300	1.4
VIB VN	68,500	6.5	1,273,300	1.2
STB VN	33,800	6.1	42,128,800	0.9
TCB VN	53,700	1.3	17,054,600	0.7
FPT VN	97,900	3.3	3,237,700	0.7
SSB VN	40,800	4.6	1,832,500	0.6
LPB VN	29,950	7.0	24,242,200	0.6

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	117,500	-1.9	1,846,800	-2.1
VHM VN	102,600	-1.9	5,075,900	-1.7
SAB VN	155,500	-3.7	169,300	-1.0
VCB VN	98,600	-1.0	2,621,000	-1.0
MSN VN	110,100	-2.1	1,011,700	-0.7
VRE VN	29,400	-3.8	8,050,500	-0.7
MWG VN	138,500	-2.9	1,269,800	-0.5
VNM VN	90,500	-0.7	3,095,900	-0.3
VJC VN	110,000	-1.8	512,700	-0.3
BVH VN	54,100	-2.5	653,800	-0.3

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.